TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/3/2023
V/v Tranh chấp tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Nhân

2. Bà Phạm Kim Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về "tranh chấp tài sản sau khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lương Cao Phước N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: số 125/BT, khu vực Bình Phó A, phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh M, sinh năm 1981.

Địa chỉ: số 48, kênh Vị Bình, khu vực 2, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn ông N có mặt, bị đơn bà M xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Lương Cao Phước N trình bày: Ông và bà Nguyễn Thanh M đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 147/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh có hiệu lực. Khi giải quyết ly hôn thì về tài sản chung và nợ chung, vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trước đó, vào ngày 08/9/2021 ông và bà M đã lập văn bản "*Thỏa thuận chia tài sản và nợ chung*" với nội dung thể hiện: Về tài sản chung tổng cộng là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng); gồm tiền bán nhà là 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng) và 01 xe ô tô biển số 95A-052.95 đứng tên chủ sở hữu là bà Nguyễn Thanh M trị giá là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), và các khoản nợ chung là 1.563.000.000 đồng (*một tỷ năm trăm sáu mươi ba triệu đồng*). Theo đó, ông và bà M tính toán với nhau sau khi trừ khoản nợ chung thì giá trị tài sản còn lại khoảng hơn 400.000.000 đồng, chia đôi thì mỗi người được 200.000.000 đồng, do ông có mượn bà M một số tiền đi học nên cấn trừ lại thì ông đồng ý nhận giá trị tài sản số tiền 185.000.000 đồng. Đồng thời, bà M sẽ được hưởng toàn bộ số tài sản nêu trên và có nghĩa vụ thanh toán nợ. Thỏa thuận bà M sẽ giao cho ông số tiền 185.000.000 đồng thành 02 đợt: đợt 01 giao số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 17/9/2021 và đợt 2, giao số tiền 85.000.000 đồng vào ngày 17/10/2021.

Ông và bà M đã thống nhất thực hiện việc phân chia này, ông đã giao toàn bộ tài sản nêu trên cho bà M được quyền sở hữu và quản lý sử dụng xong. Tuy nhiên, bà M chỉ giao cho ông được số tiền 100.000.000 đồng, cụ thể: lần 01 số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 19/9/2021 giao tiền mặt và lần 02 số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 10/01/2022 bằng hình thức chuyển khoản. Đến nay, bà M không tiếp tục giao hết số tiền còn lại 85.000.000 đồng, mặc dù ông đã nhắc nhở nhiều lần.

Nay nguyên đơn ông N khởi kiện yêu cầu bị đơn bà M có nghĩa vụ tiếp tục giao giá trị tài sản đã phân chia còn lại số tiền 85.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thanh M theo bản tự khai và phiên hòa giải trình bày:

Bà và ông Lương Cao Phước N đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 147/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh có hiệu lực. Ông, bà có lập văn bản "*Thỏa thuận chia tài sản và nợ chung*" đúng như nội dung ông N trình bày. Sau khi thỏa thuận phân chia, bà đã nhận tài sản chung nêu trên và thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ. Bà đã giao giá trị tài sản được phân chia cho ông N số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 19/9/2021 và ngày 10/01/2022, còn lại số tiền 85.000.000 đồng của đợt 02 đến nay bà chưa giao cho ông N.

Nay bà thống nhất còn lại số tiền 85.000.000 đồng và đồng ý tiếp tục giao cho ông N. Tuy nhiên, hiện nay do bà đang có khó khăn về kinh tế, vị trí việc làm có thay đổi nên tiền lương không ổn định và bà đang trong thời gian thai kỳ. Nên yêu cầu ông N cho bà gia hạn thêm thời gian 02 năm, bà sẽ giao hết số tiền này cho ông N.

Những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án sau: Tờ Thỏa thuận chia tài sản và nợ chung ngày 08/9/2021; Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 147/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/9/2021.

Những tình tiết đương sự thống nhất và không thống nhất sau khi Tòa án tiến hành hòa giải, thu thập trong hồ sơ vụ án:

Phần các đương sự thống nhất: Bà M đã giao cho ông N số tiền 0100.000.000 đồng, còn lại số tiền 85.000.000 đồng chưa giao.

Phần không thống nhất: Bà M yêu cầu xin gia hạn thời gian 02 năm sẽ giao đủ số tiền 85.000.000 đồng; ông N không đồng ý, nếu bà M có khó khăn thật sự thì ông đồng ý cho thêm 03 tháng từ khi hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông N giữ nguyên yêu cầu bà M có nghĩa vụ tiếp tục giao giá trị tài sản đã phân chia còn lại là 85.000.000 đồng. Bị đơn bà M có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như trình bày trước đây.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu: Về tố tụng; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ lúc thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N, buộc bà M có nghĩa vụ giao cho ông N số tiền 85.000.000 đồng; về án phí đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Cao Lương Phước N khởi kiện bà Nguyễn Thanh M địa chỉ khu vực 2, phường III, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; ông N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán giá trị tài sản đã phân chia của ông, bà sau khi ly hôn nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "tranh chấp tài sản sau ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định:*

Ông N và bà M là vợ chồng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 147/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang có hiệu lực. Về tài sản chung và nợ chung thì vợ chồng đã tự thỏa thuận và phân chia tại văn bản "*Tờ thỏa thuận chia tài sản và nợ chung*" ngày 08/9/2021, theo đó bà M được nhận toàn bộ hiện vật tài sản chung có giá trị là 2.000.000.000 đồng và có nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng là 1.563.000.000 đồng; bà M có trách nhiệm giao giá trị tài sản đã phân chia cho ông N số tiền 185.000.000 đồng.

Xét, thỏa thuận chia tài sản chung được lập thành văn bản, trên cơ sở tự nguyện và phù hợp ý chí của các bên. Ông N đã tiến hành bàn giao khối tài sản trên cho bà M được quyền sở hữu và quản lý sử dụng xong, bà M đã giao giá trị tài sản phân chia cho ông N được số tiền 100.000.000 đồng. Căn cứ Điều 38, Điều 39 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc phân chia tài sản của các bên có hiệu lực kể từ ngày ký kết, nên các bên phải có trách nhiệm thi hành. Do bà M đã vi phạm không giao đủ số tiền còn lại 85.000.000 đồng của đợt 02 (đã hết hạn ngày 17/10/2021), nên buộc bà M phải có nghĩa vụ giao tiếp số tiền này cho ông N là có căn cứ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N được chấp nhận.

[2.2] *Về gia hạn thời gian thực hiện nghĩa vụ*:

Bị đơn bà M cho rằng do hiện nay bà có khó khăn về kinh tế nên không đủ khả năng giao tiếp số tiền 85.000.000 đồng cho ông N và bà xin gia hạn thêm 02 năm. Tại phiên tòa bị đơn ông N không đồng ý tiếp tục cho gia hạn. Xét, về thời hạn giao số tiền đợt 02 đã hết (ngày 17/10/2021) và các bên không thống nhất cho gia hạn, nên buộc bà M phải có nghĩa vụ thi hành sau khi bản án có hiệu lực và việc thi hành được thực hiện theo pháp luật thi hành án dân sự.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn bà M phải chịu số tiền 4.250.000 đồng; nguyên đơn ông N được nhận lại số tiền 2.125.000 đồng, theo biên lai số 0001737 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh là có căn cứ và đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 35, Điều 38 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Cao Phước N.

1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thanh M có nghĩa vụ giao giá trị tài sản còn lại cho ông Lương Cao Phước N số tiền 85.000.000 đồng *(tám mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành

án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thanh M phải chịu số tiền 4.250.000 đồng (*bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Nguyên đơn ông Lương Cao Phước N được nhận lại số tiền 2.125.000 đồng, theo biên lai số 0001737 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh,

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Lương Cao Phước N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn bà Nguyễn Thanh M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp V;
- Cơ quan THADS Tp V;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Phương